

CTY CP ĐT HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM

50 Tôn Thất Đạm, Quận 1, TP.HCM

Mẫu số B 02a - DN/HN
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4		5	6
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	50,701,498,477	53,922,712,311	198,035,213,124	202,590,233,926
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		50,701,498,477	53,922,712,311	198,035,213,124	202,590,233,926
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	7,612,801,564	6,782,594,665	24,032,507,130	14,749,888,862
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		43,088,696,913	47,140,117,646	174,002,705,994	187,840,345,064
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	50,679,954,791	130,223,991,638	503,865,934,289	314,576,722,985
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	20,204,901,334	31,200,652,733	121,810,293,960	45,100,849,654
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24,438,341,827	9,267,851,423	108,427,967,495	33,046,469,097
8. Chi phí bán hàng	24		25,692,311,622	25,680,838,555	103,487,330,663	101,532,270,762
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14,149,321,783	8,938,589,568	23,979,911,184	16,584,144,542
10. Lợi nhuận thuần từ HĐ kinh doanh[30=20+(21-22)-(24+25)]	30		33,722,116,965	111,544,028,428	428,591,104,476	339,199,803,091
11. Thu nhập khác	31		114,227,713	45,255,711	1,706,711,427	2,607,672,513
12. Chi phí khác	32		37,043,181	63,365,056	48,244,370	288,771,153

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4		5	6
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		77,184,532	-18,109,345	1,658,467,057	2,318,901,360
14 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		10,179,192,445	5,439,205,524	30,866,058,543	15,010,448,003
15. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40+45)	50		43,978,493,942	116,965,124,607	461,115,630,076	356,529,152,454
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	2,587,557,486	16,750,699,927	83,761,685,328	40,281,551,060
17. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0	0	0
18 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		41,390,936,456	100,214,424,680	377,353,944,748	316,247,601,394
18 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		1,812,661,096		309,349,838	331,989,134
18 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		39,578,275,360	100,214,424,680	377,044,594,910	315,915,612,260
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		558	2,401	5,086	7,577

Người lập biểu


Vũ Thị Chi

Kế toán trưởng


Lê Quốc Tuấn

TP. HCM, ngày 11 tháng 02 năm 2011

Tổng Giám đốc



LÊ VŨ HOÀNG